

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Mục đích

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

Nội dung hướng dẫn

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học. Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

Phần 2: Cách thức ôn tập. Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra. Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án. Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

Phần 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1: Khái quát về Luật Hôn nhân và Gia đình

Chương 2: Quan hệ pháp luật Hôn nhân-Gia đình

Chương 3: Kết hôn

Chương 4: Quan hệ giữa vợ-chồng

Chương 5: Quan hệ giữa cha mẹ-con

Chương 6: Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình

Chương 7: Chấm dứt hôn nhân

Chương 8: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Phần 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chú ý: Học viên ôn tập theo Giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam (2012) của Trường Đại Học Luật TP.HCM và Luật Hôn nhân và Gia đình 2015.

Chương 1: Khái quát về Luật Hôn nhân và Gia đình

- Khái niệm và đặc điểm của Hôn nhân-Gia đình.
 - + Cần nắm vững các khái niệm sau: Hôn nhân, Gia đình.
 - + Nêu và phân tích được: các đặc điểm của Hôn nhân; các chức năng của Gia đình.
 - + Học viên đọc giáo trình từ trang 26 - 37; Điều 3 khoản 1&2 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015.
- Khái niệm Luật Hôn nhân-Gia đình.
 - + Nắm vững khái niệm: Luật Hôn nhân và Gia đình; xác định đúng Đối tượng điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình gồm hai quan hệ cơ bản là Quan hệ nhân thân và Quan hệ về Tài sản; xác định Phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình là tự nguyện, bình đẳng trên cơ sở đảm bảo bằng sự cưỡng chế của Nhà nước.
 - + Học viên đọc giáo trình từ trang 38 – 44.
- Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân-Gia đình.
 - + Nhiệm vụ của Luật Hôn nhân và Gia đình (Đọc giáo trình trang 44 - 45).
 - + Nêu và phân tích được các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình (Học viên đọc giáo trình từ trang 46 - 61; Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015).
- Sự phát triển của Luật Hôn nhân-Gia đình.
 - + Cần nắm được các giai đoạn phát triển của Pháp Luật Hôn nhân và Gia đình từ CMT8/1945 đến nay.

- Từ tháng 8/1945 đến 24/3/1977 ở miền Bắc Việt Nam.
 - Từ tháng 8/1945 đến 24/3/1977 ở miền Nam Việt Nam.
 - Luật Hôn nhân và Gia đình 1959, 1986, 2000.
 - Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi có hiệu lực 2015.
- + Học viên đọc giáo trình Chương III từ trang 109-131.
- Nguồn của Luật Hôn nhân-Gia đình.
- + Khái niệm nguồn của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. Nêu các loại nguồn chính của Luật Hôn nhân và Gia đình. Học viên đọc giáo trình từ trang 131-141.

Chương 2: Quan hệ pháp luật Hôn nhân-Gia đình

- Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật Hôn nhân-Gia đình.
- + Nắm vững khái niệm: quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình.
- + Nêu và phân tích các đặc điểm của quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình gồm: chủ thể; khách thể; nội dung; không gian; thời gian; sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, phục hồi, chấm dứt; về thời hiệu thực hiện quyền...
- + Học viên đọc giáo trình từ trang 63-70.
- Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật Hôn nhân-Gia đình.
- + Chủ thể: cần nêu được khái niệm về chủ thể quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình; các điều kiện để chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình gồm: năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Phần này học viên đọc giáo trình từ trang 71-78.
- + Khách thể: nêu khái niệm khách thể của quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình; các nội dung của khách thể gồm: lợi ích nhân thân, lợi ích tài sản, lợi ích từ hành vi. Phần này học viên đọc giáo trình từ trang 78-80.
- + Nội dung: nêu khái niệm và phân tích các nội dung của quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Học viên đọc giáo trình từ trang 80-84, Đọc các nội dung cụ thể trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2015.
- Thực hiện và bảo vệ quyền, nghĩa vụ về Hôn nhân-Gia đình.
- + Nêu các nguyên tắc trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ về Hôn nhân và Gia đình.
- + Trình bày các biện pháp nhằm bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ về Hôn nhân và Gia đình: khuyến khích, khen thưởng, chế tài.
- + Học viên đọc giáo trình từ trang 84-98.

- Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình.
 - + Nêu khái niệm về căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Trong phần này học viên chú ý là cần phải nêu thêm được hai ý là: sự biến pháp lý và hành vi pháp lý. Lấy ví dụ để phân tích.
 - + Phân loại sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Trong phần này học viên cần xem kỹ tiêu chí ***dựa vào hậu quả mà sự kiện pháp lý tác động*** để chia thành bốn loại: phát sinh, thay đổi, phục hồi, chấm dứt.
 - + Học viên đọc giáo trình từ trang 99-105.

Chương 3: Kết hôn

- Kết hôn.
 - + Cần nắm vững các khái niệm: Kết hôn; Điều kiện kết hôn và ý nghĩa của các điều kiện này. Trình bày nội dung của các điều kiện kết hôn: về tuổi, về sự tự nguyện, về năng lực hành vi và những trường hợp cấm kết hôn. Trong hai phần này học viên đọc giáo trình từ trang 148-168. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 tại Điều 3, 5, 8. Chú ý so sánh sự thay đổi qui định về kết hôn và các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 và 2015.
 - + Thủ tục đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam: học viên cần nắm các qui định về thẩm quyền, thủ tục, nghi thức kết hôn. Cụ thể đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 9, Nghị định 158/2005 Điều 18, Nghị định 06/2012 Điều 1.
- Kết hôn trái pháp luật.
 - + Cần nắm được khái niệm kết hôn trái pháp luật.
 - + Các hình thức xử lý việc kết hôn trái pháp luật: xử lý hành chính, hình sự, dân sự. Trong đó cần chú ý hình thức xử lý về mặt dân sự - Hủy kết hôn trái pháp luật. Cụ thể học viên phải nêu được các ý sau:
 - Căn cứ hủy kết hôn trái pháp luật.
 - Quyền yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.
 - Thẩm quyền và đường lối xử lý việc kết hôn trái pháp luật.
 - Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật: về nhân thân, về tài sản, về con chung.
 - + Học viên đọc giáo trình từ trang 176-190. Đọc luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 8, 10, 11, 12, 16 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2011 Điều 35, 36.
- Không công nhận quan hệ vợ chồng.

- + Cần nêu được khái niệm: Không công nhận quan hệ vợ chồng.
- + Căn cứ không công nhận quan hệ vợ chồng gồm: không đăng ký kết hôn, đăng ký không đúng tại cơ quan có thẩm quyền, không đúng nghi thức kết hôn theo luật Việt nam.
- + Hậu quả pháp lý của việc không công nhận quan hệ vợ chồng: quan hệ về nhân thân, quan hệ tài sản, quyền lợi con chung.
- + Lưu ý trong phần này học viên cần so sánh được trường hợp kết hôn trái pháp luật và trường hợp không được công nhận quan hệ vợ chồng.
- + Đọc giáo trình từ trang 191-197. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 điều 14, 16 Nghị quyết 02/2000, Nghị định 77/2001.

Chương 4: Quan hệ giữa vợ-chồng

- Nêu được khái niệm quan hệ giữa vợ và chồng.
- Nghĩa vụ và quyền nhân thân giữa vợ-chồng. Phần này cần trình bày ba nội dung:
 - + Nghĩa vụ và quyền mang tính chất tình cảm, riêng tư giữa vợ và chồng. Nội dung này gồm hai ý: Vợ chồng phải chung thủy với nhau; Vợ chồng phải thương yêu quý trọng chăm sóc giúp đỡ nhau. Nêu ý nghĩa của các nội dung.
 - + Nghĩa vụ và quyền mang tính chất tự do, dân chủ. Nội dung này phải nắm được các quyền và nghĩa vụ sau: Quyền lựa chọn nơi cư trú; quyền lựa chọn nghề nghiệp, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
 - + Đại diện giữa vợ và chồng. Học viên cần nắm vững các kiến thức sau:
 - Căn cứ xác lập và hình thức đại diện: đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền.
 - Đại diện trong quan hệ kinh doanh.
 - Đại diện trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung chỉ ghi tên vợ hoặc chồng.
 - Trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng.
- + Học viên đọc giáo trình từ trang 204-216. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Chương III.
- Nghĩa vụ và quyền tài sản giữa vợ-chồng. Trong phần này học viên cần nắm vững các kiến thức sau:
 - + Chế độ tài sản giữa vợ và chồng.
 - Nguyên tắc chung được áp dụng. Đọc điều 28, 29, 30, 31 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015.

- Chế độ tài sản theo thỏa thuận. Trình bày các nội dung cơ bản của thỏa thuận xác lập tài sản; qui định sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa thuận; chú ý các trường hợp thỏa thuận tài sản vô hiệu; giải quyết tài sản thỏa thuận khi ly hôn. Lưu ý hình thức của thỏa thuận là phải lập thành văn bản có công chứng. Trong phần này học viên cần đọc kỹ Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 47, 48, 50.
 - Chế độ tài sản pháp định. Cần nghiên cứu kỹ các nội dung Luật qui định về tài sản chung của vợ chồng; tài sản riêng của vợ chồng; và các chế độ pháp lý đối với tài sản riêng. Cần đọc kỹ Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 33, 34, 35, 40, 42, 43, 44, 46 Nghị Định 70/2001.
 - Các nội dung này học viên cần đọc kỹ giáo trình từ trang 217-249. Đọc thêm Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Chương III, IV.
- + Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ và chồng. Cần nêu được khái niệm Cấp dưỡng; các điều kiện phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng. Học viên đọc giáo trình từ trang 249-252. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 3, 115.
- + Quyền thừa kế tài sản của vợ, chồng. Cần trình bày được các điều kiện hưởng quyền thừa kế gồm: vợ hoặc chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết; khi có yêu cầu chia di sản. Học viên đọc giáo trình từ trang 252-254. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 66.

Chương 5: Quan hệ giữa cha mẹ-con

- Căn cứ làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con.
- + Quan hệ cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ. Phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau:
 - Xác định cha mẹ cho con trong giá thú. Nêu được khái niệm con trong giá thú; Nguyên tắc xác định con trong giá thú; Căn cứ xác định và hình thức xác định.
 - Xác định cha mẹ cho con ngoài giá thú. Nêu khái niệm con ngoài giá thú; Nguyên tắc xác định; Căn cứ xác định; Hình thức xác định.
 - Xác định cha mẹ trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Cần lưu ý trong trường hợp này Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con giữa người cho tinh trùng, noãn, hoặc phôi của với người con được sinh ra.
 - Xác định cha mẹ cho con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.
 - Cần nắm: thẩm quyền, thủ tục, chủ thể có quyền yêu cầu xác nhận cha, mẹ, con.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 255-270. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Mục 2 Chương V (Cụ thể Điều 3, 88, 93, 94, 101, 102).

- + Quan hệ cha mẹ và con phát sinh do sự kiện nuôi dưỡng (nhận nuôi con nuôi). Phần này bao gồm các nội dung chính sau:
 - Khái niệm nuôi con nuôi.
 - Mục đích, và ý nghĩa của việc nuôi con nuôi.
 - Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi: gồm ba nguyên tắc.
 - Điều kiện để việc nuôi con nuôi hợp pháp. Phần này cần nêu hai ý: điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi; điều kiện đối với người trực tiếp nhận nuôi.
 - Thủ tục công nhận việc nhận nuôi con nuôi. Gồm hai nội dung là thẩm quyền và thủ tục.
 - Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi (hậu quả pháp lý của việc nhận nuôi con nuôi).
 - Chấm dứt việc nuôi con nuôi. Phần này cần nêu được Căn cứ chấm dứt; Tổ chức cá nhân nào có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi; Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt nuôi con nuôi.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 271-313. Đọc Luật nuôi con nuôi 2010 Điều 2, 3, 8, 14, 24, 25, 27.
- + Quan hệ cha mẹ, con phát sinh dựa vào sự kiện sống chung.
 - Quan hệ giữa cha dượng, mẹ kế với con riêng. Gồm hai ý: điều kiện phát sinh quan hệ; quyền và nghĩa vụ phát sinh.
 - Quan hệ giữa con dâu, con rể với cha mẹ chồng, cha mẹ vợ
 - Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 69, 70, 71, 72, 79.
- Nghĩa vụ và quyền giữa cha, mẹ và con.
 - + Nắm được các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con: chủ thể, khách thể, nội dung.
 - + Nêu và phân tích được các đặc điểm của quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con gồm: bốn đặc điểm.
 - + Trong hai nội dung trên học viên đọc giáo trình từ trang 313-318.
 - + Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa cha mẹ và con. Cần phải thể hiện được các vấn đề sau:
 - Nghĩa vụ và quyền nhân thân của cha mẹ đối với con.
 - Nghĩa vụ và quyền nhân thân của con đối với cha mẹ.
 - Đại diện cho con.

- Học viên đọc giáo trình từ trang 318-328. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 69, 70, 72, 73.
- + Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa cha mẹ và con. Phần này cần thể hiện được các vấn đề sau:
 - Quyền có tài sản riêng của con và trách nhiệm về tài sản của con.
 - Các qui định về quản lý tài sản riêng của con.
 - Định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.
 - Bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con gây ra.
 - Quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng giữa cha mẹ và con.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 328-341. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 74, 75, 76, 77.
- + Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Cần nắm kỹ các ý sau:
 - Căn cứ hạn chế, các quyền bị hạn chế và thời hạn bị hạn chế.
 - Người có quyền yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con gồm: yêu cầu trực tiếp hoặc yêu cầu gián tiếp.
 - Hậu quả pháp lý của việc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con.
 - Đọc giáo trình từ trang 341-345. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 85, 86, 87.
- Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.
 - + Nắm được các nguyên tắc chung về quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên khác trong gia đình như:
 - Về nhân thân: chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau...
 - Về tài sản: đóng góp tài sản, công sức vào gia đình...
 - + Quyền và nghĩa vụ của từng thành viên cụ thể.
 - Quyền và nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu.
 - Quyền và nghĩa vụ của anh, chị, em.
 - Quyền và nghĩa vụ của cô, dì, chú, bác ruột và cháu ruột.
 - + Học viên đọc giáo trình phần này từ trang 346-351. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 103, 104, 105, 106.

Chương 6: Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình

- Khái niệm, đặc điểm và phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng.

- + Cần nắm được các khái niệm: cấp dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng.
- + Nêu và phân tích được các đặc điểm của nghĩa vụ cấp dưỡng gồm ba đặc điểm cụ thể như: là quan hệ mang tính tài sản; là quan hệ không mang tính đền bù và ngang giá; là quan hệ mang tính cụ thể và riêng biệt.
- + Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật cấp dưỡng gồm:
 - Chủ thể: người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng.
 - Khách thể: là hành vi đóng góp tiền hoặc tài sản của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho người được cấp dưỡng.
 - Nội dung: các quyền của người được nhận cấp dưỡng.
- + Phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng. Được chia làm ba hàng cấp dưỡng gồm: hàng thứ nhất, hàng thứ hai, hàng thứ ba.
- + Học viên đọc giáo trình từ trang 353-362. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 3.
- Phương thức cấp dưỡng.
 - + Mức cấp dưỡng. Phần này học viên cần nắm vững các kiến thức sau:
 - Khái niệm mức cấp dưỡng.
 - Các tiêu chí để xác định mức cấp dưỡng gồm: Khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.
 - Các điều kiện Luật qui định để thay đổi mức cấp dưỡng.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 363-366. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 116.
 - + Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.
 - Khái niệm phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.
 - Các phương thức thực hiện cụ thể: Định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Quan trọng là phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa các bên.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 366-370. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 117.
 - + Người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.
 - Trực tiếp: tự cá nhân người được cấp dưỡng yêu cầu...
 - Gián tiếp: thông qua các cơ quan tổ chức.
 - Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 119.
- Các trường hợp cấp dưỡng.

- + Nhiệm vụ cấp dưỡng giữa cha mẹ và con. Phần này gồm hai vấn đề:
 - Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con.
 - Nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha mẹ.
 - Trong phần này học viên đọc giáo trình từ trang 373-382. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 110, 111.
- + Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Điều 115
- + Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa anh chị em. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Điều 112
- + Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa ông bà và cháu. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Điều 113
- + Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và chú ruột. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Điều 114.
- Thay đổi, tạm ngưng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.
 - + Thay đổi: về mức cấp dưỡng, về phương thức cấp dưỡng, về thời gian cấp dưỡng. Lưu ý là cần phải có sự thỏa thuận giữa các bên hoặc quyết định của Tòa án. Tạm ngưng là trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng gặp khó khăn về tài chính, sức khỏe trong một thời gian.
 - + Chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Phải nắm được các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng luật qui định.
 - + Học viên đọc giáo trình từ trang 390-396. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 118.

Chương 7: Chấm dứt hôn nhân

- Một trong hai bên vợ hoặc chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.
 - + Hậu quả pháp lý của trường hợp một trong hai bên vợ chồng chết. Trong phần này gồm hai vấn đề là chết tự nhiên và chết pháp lý (Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết). Trong trường hợp chết pháp lý phải tuân thủ các qui định của pháp luật Dân sự và Tố tụng dân sự.
 - + Thời điểm chấm hôn nhân.
 - Chết tự nhiên: là ngày chết được ghi trong giấy chứng tử.
 - Chết pháp lý: là ngày Quyết định của Tòa án tuyên bố người đó đã chết có hiệu lực pháp luật.
 - + Đọc giáo trình từ trang 398-401. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 65, 66, 67.
- Ly hôn.

- + Nêu được khái niệm ly hôn. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 3.
- + Căn cứ ly hôn. Học viên cần nắm và so sánh các qui định pháp luật về căn cứ ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 và 2015. Đọc giáo trình từ trang 407-416. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 Điều 89 và 2015 Điều 55, 56.
- + Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn. Trong phần này cần chú ý các vấn đề sau:
 - Luật 2000: chỉ có vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu.
 - Luật 2015: vợ, chồng, và người đại diện theo pháp luật như Cha, mẹ, người thân thích. Điều kiện là một bên vợ hoặc chồng bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - Hạn chế quyền yêu cầu giải quyết ly hôn.
 - Học viên đọc và nắm kỹ Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 51.
- + Các trường hợp ly hôn.
 - Thuận tình ly hôn.
 - Ly hôn theo yêu cầu của một bên (đơn phương ly hôn). Trường hợp này cần lưu ý đến thủ tục ly hôn khi vợ hoặc chồng mất tích.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 416-426. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 55, 56.
- + Thời điểm chấm dứt hôn nhân. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 57.
- Hậu quả pháp lý của Ly hôn.
 - + Về quan hệ nhân thân: hôn nhân chấm dứt khi bản án hoặc quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật. Các bên chấm dứt quan hệ vợ chồng. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình Điều 57. Giáo trình từ trang 431-432.
 - + Về quan hệ tài sản:
 - Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Yêu cầu Tòa án giải quyết khi các bên không thỏa thuận được.
 - Cần nắm được các nguyên tắc chia tài sản chung sau khi ly hôn.
 - Chia quyền sử dụng đất của vợ chồng sau khi ly hôn.
 - Thanh toán nghĩa vụ tài sản.
 - Học viên đọc giáo trình từ trang 433-450. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 59, 60, 61, 62, 63, 64.
 - + Về quyền lợi của con chung.
 - Các qui định của pháp luật về người trực tiếp nuôi con: do thỏa thuận hoặc do do Tòa án quyết định.

- Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con: tôn trọng người nuôi con, cấp dưỡng, thăm nom...
- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con.
- Thay đổi người trực tiếp nuôi con: qui định pháp luật về căn cứ thay đổi và người có quyền yêu cầu thay đổi.
- Đọc giáo trình từ trang 451- 457. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 81, 82, 83, 84.

Chương 8: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

- Khái quát về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
 - + Cần nắm vững và phân tích được khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Học viên đọc giáo trình từ trang 462-468.
 - + Các đặc trưng của quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài gồm ba đặc trưng. Đọc giáo trình từ trang 468-470.
 - + Nguyên tắc áp dụng pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt nam. Học viên đọc giáo trình từ trang 481-486. Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 122.
 - + Thẩm quyền đăng ký hộ tịch và giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 123.
- Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.
 - + Cần nắm vững: khái niệm kết hôn có yếu tố nước ngoài. Đọc giáo trình từ trang 487-488
 - + Nguyên tắc áp dụng pháp luật giải quyết việc kết hôn có yếu tố nước ngoài. Học viên đọc giáo trình từ trang 488-496. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 126.
 - + Ly hôn có yếu tố nước ngoài. Các nội dung cần chú ý: việc chọn Luật áp dụng để giải quyết ly hôn; thẩm quyền giải quyết ly hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt nam; thủ tục công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình. Phần này Học viên đọc giáo trình từ trang 504-520.
- Quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài.
 - + Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 128.

- + Nghĩa vụ cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài. Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 Điều 129.

Phần 3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

1. Hình thức đề thi: Thi tự luận có thể có cấu trúc như sau:

- Phần 1: gồm 4 câu hỏi nhận định đúng sai và giải thích ngắn gọn. (4 điểm).
- Phần 2: gồm 1 câu hỏi lý thuyết. (3 hoặc 4 điểm).
- Phần 3: gồm 1 bài tập tình huống. Trong đó sẽ có một vài câu hỏi. (3 hoặc 4 điểm).

2. Cách làm bài thi

- Thứ nhất học viên cần đọc giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam (2012) của Trường Đại Học Luật TP HCM; Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 và 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình mà Giảng viên đã cung cấp. Đọc tài liệu hướng dẫn ôn tập để hệ thống lại được các kiến thức cơ bản của môn học.
- Khi làm bài cần đọc kỹ đề. Làm đúng và đủ các yêu cầu của đề thi. Cụ thể:
 - + Phần 1: Trả lời nhận định trên là đúng hay sai. Chỉ cần trích dẫn căn cứ pháp lý là điều Luật, khoản, điểm nào cụ thể có liên quan đến nhận định để giải thích cho nhận định của mình.
 - + Phần 2: Trình bày đúng và đủ các ý của câu hỏi về lý thuyết. Khi đề thi yêu cầu phân tích, so sánh, phân biệt thì học viên cần phải nêu khái niệm, đặc điểm của vấn đề chính, điểm giống, khác và ý nghĩa của các vấn đề.
 - + Phần 3: Bài tập tình huống. Phải đọc kỹ các dữ liệu tình huống đã có. Nhận định, phân tích các dữ liệu rồi trả lời câu hỏi một cách chính xác, có căn cứ pháp luật, không tự đặt thêm các dữ liệu khác mà bài tập không có. Sử dụng Luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành để giải quyết bài tập.

Phần 4. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

Đề thi mẫu và đáp án tóm tắt:

Thời gian làm bài: 75 phút (Được tham khảo tài liệu khi làm bài thi)

Phần 1: Các nhận định sau đây đúng hay sai. Giải thích ngắn gọn và căn cứ pháp lý. (4 điểm)

1. Bất buộc phải hòa giải tại cơ sở khi giải quyết vụ án ly hôn?

Sai (0,5 điểm). Hòa giải tại cơ sở chỉ mang tính khuyến khích không bắt buộc, căn cứ pháp lý: Điều 52 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 (0,5 điểm).

2. Nhà nước cấm kết hôn giữa những người cùng giới?

Sai (0,5 điểm). Nhà nước chỉ không thừa nhận chứ không cấm, căn cứ pháp lý: Điều 8 khoản 2 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 (0,5 điểm).

3. Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu việc hủy kết hôn trái pháp luật?

Đúng (0,5 điểm). Căn cứ pháp lý: Điều 10 khoản 2 điểm d Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 (0,5 điểm).

4. Người được nhờ mang thai hộ phải là người cùng họ hàng của bên vợ hoặc bên chồng?

Đúng (0,5 điểm). Căn cứ pháp lý: Điều 95 khoản 3 điểm a Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 (0,5 điểm).

Phần 2: Trình bày các căn cứ làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con? (3 điểm)

Cần nêu được các ý sau:

Quan hệ cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ. (1 điểm)

Quan hệ cha mẹ và con phát sinh do sự kiện nuôi dưỡng. (1 điểm)

Quan hệ cha mẹ, con phát sinh dựa vào sự kiện sống chung. (1 điểm)

Cần phải nêu được các nội dung chính trong 3 ý này. Dẫn chứng các điều Luật qui định cụ thể tương ứng với từng ý.

Phần 3: Bài tập tình huống (ví dụ)

Anh A kết hôn với chị B vào năm 1990 có đăng ký kết hôn. Hai người có một con chung là C và có chung 1 căn nhà có diện tích là 100 m² tại Huyện X Tỉnh Y. Sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị B đã đưa con về nhà mẹ đẻ để sinh sống và đăng ký tạm trú tại Quận Q Thành phố Z từ năm 2002. Anh A vẫn ở tại nhà cũ là Huyện X Tỉnh Y. Nay Anh A và Chị B có đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng.

1. Anh chị hãy xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn mà các đương sự có thể nộp đơn?

Căn cứ vào Điều 35 khoản 1 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2012 qui định thì Anh A và Chị B có quyền nộp đơn tại Tòa án nơi Anh A cư trú, cụ thể là Tòa án Huyện X. Hoặc hai người cũng có thể thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi Chị B đang đăng ký tạm trú giải quyết, cụ thể là nộp tại Tòa án Quận Q.

2. Tòa án có tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ không? Tại sao?

Theo qui định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015 thì Hòa giải tại Tòa án là thủ tục bắt buộc thực hiện theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cho nên trong trường hợp này sau khi thụ lý Tòa án phải tiến hành hòa giải để Anh A và Chị B đoàn tụ.

Hết